

HOÀN THIỆN QUY ĐỊNH CỦA LUẬT HÌNH SỰ VIỆT NAM VỀ TỘI BUÔN LẬU

● LÊ ANH TUẤN

TÓM TẮT:

Buôn lậu là hành vi buôn bán trái pháp luật hàng hóa ngoại tệ, kim khí quý, di vật, cổ vật qua biên giới hoặc từ khu phi thuế quan vào nội địa hoặc ngược lại. Thực tiễn áp dụng pháp luật cho thấy, một trong những nguyên nhân dẫn đến công tác đấu tranh phòng, chống tội phạm buôn lậu chưa hiệu quả là quy định của Luật Hình sự về tội danh này còn nhiều bất cập, dẫn đến khó áp dụng trong thực tiễn. Bài viết này sẽ phân tích quy định về tội buôn lậu trong Bộ luật Hình sự Việt Nam năm 2015, được sửa đổi, bổ sung năm 2017 (BLHS năm 2015), chỉ ra những vướng mắc, bất cập và đề xuất một số kiến nghị hoàn thiện.

Từ khóa: buôn lậu, tội buôn lậu, hoàn thiện quy định, Bộ luật Hình sự năm 2015 về tội buôn lậu.

1. Quy định của Bộ luật Hình sự năm 2015 về tội buôn lậu

1.1. Dấu hiệu pháp lý

a. Khách thể của tội phạm

- Tội buôn lậu xâm phạm đến trật tự quản lý kinh tế của Nhà nước mà cụ thể là trật tự quản lý ngoại thương, xuất khẩu, nhập khẩu hàng hóa, tiền tệ, kim khí quý, đá quý, di vật, cổ vật.

- Đối tượng tác động của tội buôn lậu là: hàng hóa; tiền Việt Nam, ngoại tệ, kim khí quý, đá quý, di vật, cổ vật. Cụ thể:

Hàng hóa: là sản phẩm được con người làm ra trong quá trình sản xuất vật chất, mang đầy đủ hai thuộc tính là giá trị và giá trị sử dụng và được mang đi lưu thông, trao đổi trên thị trường như, lúa, gạo, phân bón, máy móc, trang, thiết bị...

Tiền tệ: là vật ngang giá chung có tính thanh khoản cao nhất dùng để trao đổi lấy hàng hóa, dịch vụ, nhằm thỏa mãn nhu cầu của con người. Tiền tệ

bao gồm tiền đồng Việt Nam; ngoại tệ như USD, Yên Nhật, Nhân dân tệ của Trung Quốc...; ngân phiếu, trái phiếu, thẻ tín dụng và các loại giấy tờ khác có giá trị thanh toán do Ngân hàng Nhà nước Việt Nam ban hành...

Kim khí quý: Khoản 1, khoản 2 Điều 3 Thông tư số 17/2014/TT-NHNN ngày 01 tháng 8 năm 2014 của Ngân hàng Nhà nước quy định về phân loại, đóng gói, giao nhận kim khí quý, đá quý thì kim khí quý gồm: “vàng, bạc, bạch kim và các loại kim loại quý khác”.

Đá quý: Theo khoản 1, khoản 2 Điều 3 Thông tư số 17/2014/TT-NHNN thì đá quý gồm: “Đá quý bao gồm kim cương (hạt xoàn), ruby (hồng ngọc), emorot (lục bảo ngọc), saphia (bích ngọc), ngọc trai (trân châu) và các loại đá quý khác”.

Di vật, cổ vật: Khoản 5 và khoản 6 Điều 4 Luật Di sản văn hóa năm 2013 quy định: “Di vật là hiện vật được lưu truyền lại, có giá trị lịch sử, văn hóa,

khoa học; cổ vật là những hiện vật được lưu truyền lại có giá trị tiêu biểu về lịch sử, văn hóa, khoa học, có từ một trăm năm tuổi trở lên được cơ quan nhà nước có thẩm quyền công nhận”.

b. Mặt khách quan của tội phạm

- Về hành vi khách quan của tội buôn lậu: là buôn bán trái pháp luật qua biên giới hoặc từ khu phi thuế quan vào nội địa hoặc ngược lại đối với hàng hóa, tiền tệ, kim khí quý, đá quý, di vật, cổ vật nhằm mục đích thu lợi. Theo đó, hành vi buôn bán trái pháp luật ở đây được hiểu là hành vi bán trái pháp luật hoặc hành vi mua rồi bán lại cho người khác trái pháp luật nhằm mục đích thu lợi. Hành vi buôn bán trái pháp luật thông thường được thể hiện ở dưới một số dạng thức:

Một là, mua hoặc bán không có giấy phép.

Hai là, mua hoặc bán không đúng với nội dung giấy phép xuất, nhập khẩu và các quy định khác của Nhà nước về hải quan. Ví dụ: giấy phép nhập khẩu là linh kiện điện tử nhưng thực tế lại nhập khẩu sinh phẩm, máy móc, thiết bị y tế,...

Ba là, khai báo gian dối về số lượng, chủng loại như, xuất nhập khẩu đúng giấy phép nhưng khai không đúng số lượng; khai ít hơn số lượng thực nhập hoặc nhập vượt quá số lượng mà giấy phép xuất, nhập khẩu cho phép.

Bốn là, không khai báo hoặc dùng giấy tờ không hợp lệ.

Năm là, lén lút, trốn tránh không qua sự kiểm soát của cơ quan nhà nước có thẩm quyền ở cửa khẩu đường bộ, cảng biển quốc tế, cảng sông quốc tế, cảng hàng không dân dụng quốc tế.

Sáu là, lợi dụng hợp đồng dân sự để nhập hàng lậu dưới hình thức tạm nhập, tái xuất, nhưng khi nhập hàng về không xuất đi mà mang ra tiêu thụ ngay trong nước.

Bảy là, câu kết, móc nối hoặc mua chuộc, hối lộ đối với cán bộ hải quan, cửa khẩu để nhập hàng không đúng giấy phép hoặc khai tăng, giảm số lượng, chủng loại hàng nhập...

- Địa điểm thực hiện tội phạm: là dấu hiệu bắt buộc trong mặt khách quan của tội buôn lậu. Theo đó, địa điểm thực hiện tội phạm phải là biên giới hoặc khu vực phi thuế quan. Điều 1 Luật Biên giới quốc gia năm 2003 quy định: “*Biên giới quốc gia là đường và mặt phẳng đứng theo đường đó để xác định giới hạn lãnh thổ đất liền, các đảo, các quần*

đảo trong đó có quần đảo Hoàng Sa và quần đảo Trường Sa, vùng biển, lòng đất, vùng trời của nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam”. Đối với khu vực phi thuế quan, khoản 1 Điều 4 Luật Thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu năm 2016 nêu rõ: “Khu phi thuế quan là khu vực kinh tế nằm trong lãnh thổ Việt Nam, được thành lập theo quy định của pháp luật, có ranh giới địa lý xác định, ngăn cách với khu vực bên ngoài bằng hàng rào cứng, bảo đảm điều kiện cho hoạt động kiểm tra, giám sát, kiểm soát hải quan của cơ quan hải quan và các cơ quan có liên quan đối với hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu và phương tiện, hành khách xuất cảnh, nhập cảnh; quan hệ mua bán, trao đổi hàng hóa giữa khu phi thuế quan với bên ngoài là quan hệ xuất khẩu, nhập khẩu”.

- Giá trị hàng hóa, tiền tệ, kim khí quý, đá quý:

Đối với hàng hóa, tiền tệ, kim khí quý, đá quý thì dấu hiệu bắt buộc là phải có giá trị từ 100.000.000 đồng trở lên đối với người phạm tội; từ 200.000.000 đến 300.000.000 đồng hoặc dưới 200.000.000 đồng đối với di vật, cổ vật trong trường hợp pháp nhân thương mại (PNTM) phạm tội.

Đối với hàng hóa, tiền tệ, kim khí quý, đá quý có giá trị dưới 100.000.000 đồng đối với người phạm tội, từ 100.000.000 đến 200.000.000 đồng đối với PNTM phạm tội thì phải thuộc trường hợp đã bị xử phạt vi phạm hành chính về một trong các hành vi được quy định tại các điều luật: Buôn lậu (Điều 188); vận chuyển trái phép hàng hóa, tiền tệ qua biên giới (Điều 189); sản xuất buôn bán hàng cấm (Điều 190); tàng trữ, vận chuyển hàng cấm (Điều 191); sản xuất, buôn bán hàng giả (Điều 192); sản xuất, buôn bán hàng giả là lương thực, thực phẩm, phụ gia thực phẩm (Điều 193); sản xuất, buôn bán hàng giả là thuốc chữa bệnh, thuốc phòng bệnh (Điều 194); sản xuất, buôn bán hàng giả là thức ăn dùng để chăn nuôi, phân bón, thuốc thú y, thuốc bảo vệ thực vật, giống cây trồng, giống vật nuôi (Điều 195); đầu cơ (Điều 196) và hành vi trốn thuế quy định tại Điều 200 của BLHS năm 2015 hoặc đã bị kết án về một trong các tội này và chưa được xóa án tích mà còn vi phạm.

Khoản 1 Điều 7 Luật Xử lý vi phạm hành chính năm 2012, sửa đổi bổ sung năm 2020 quy định: “*Cá nhân, tổ chức bị xử phạt vi phạm hành chính, nếu trong thời hạn 06 tháng, kể từ ngày chấp hành xong*

quyết định xử phạt cảnh cáo hoặc 01 năm, kể từ ngày chấp hành xong quyết định xử phạt hành chính khác hoặc từ ngày hết thời hiệu thi hành quyết định xử phạt vì phạm hành chính mà không tái phạm thì được coi là chưa bị xử phạt vì phạm hành chính”.

- Đối với giá trị của di vật, cổ vật: trường hợp người phạm tội thì điều luật không quy định cụ thể mức tối thiểu giá trị vật phạm pháp, vì những vật phẩm loại này chứa đựng những giá trị tinh thần vô giá, không thể tính được bằng tiền. Như vậy, chỉ cần người phạm tội thực hiện hành vi buôn bán một trong các di vật, cổ vật thuộc danh mục Nhà nước quy định thì đã cấu thành tội buôn lậu. Đối với PNTM thì điều luật quy định giá trị dưới 200.000.000 đồng.

- Giai đoạn hoàn thành của tội phạm: tội buôn lậu có cấu thành hình thức nên giai đoạn hoàn thành của tội phạm được tính từ thời điểm chủ thể tội phạm thực hiện hành vi buôn lậu hàng hóa, tiền tệ, kim khí quý, đá quý, di vật, cổ vật qua biên giới hoặc từ khu phi thuế quan vào nội địa hoặc ngược lại.

c. Chủ thể của tội phạm

Chủ thể của tội buôn lậu là bất kỳ người nào có năng lực trách nhiệm hình sự và đạt độ tuổi luật định, PNTM thỏa mãn quy định tại Điều 75 BLHS năm 2015.

d. Mặt chủ quan của tội phạm

Đối với tội phạm buôn lậu thì chủ thể tội phạm thực hiện tội phạm với lỗi cố ý trực tiếp vì người phạm tội nhận thức rõ hành vi buôn bán qua biên giới, qua khu vực phi thuế quan hoặc ngược lại là hành vi trái phép là nguy hiểm cho xã hội, bị pháp luật cấm nhưng vẫn cố ý thực hiện và mong muốn cho hậu quả xảy ra.

Mục đích của hành vi buôn lậu là thu lợi bất chính thông qua việc trốn thực hiện các nghĩa vụ thuế nhập khẩu, xuất khẩu.

1.2. Dấu hiệu định khung hình phạt

- *Khung 1:* Phạt tiền từ 50.000.000 đến 300.000.000 đồng hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 3 năm. Đây là khung hình phạt cơ bản đối với loại tội phạm này.

- *Khung 2:* Phạt tiền từ 300.000.000 đến 1.500.000.000 đồng hoặc phạt tù từ 03 năm đến 07 năm đối với một trong các trường hợp phạm tội: có tổ chức; có tính chất chuyên nghiệp; vật phạm pháp

có trị giá từ 300.000.000 đến dưới 500.000.000 đồng; thu lợi bất chính từ 100.000.000 đến dưới 500.000.000 đồng; vật phạm pháp là bảo vật quốc gia; lợi dụng chức vụ quyền hạn; lợi dụng danh nghĩa cơ quan tổ chức; phạm tội 02 lần trở lên hoặc tái phạm nguy hiểm.

- *Khung 3:* Phạt tiền từ 1.500.000.000 đến 5.000.000.000 đồng hoặc phạt tù từ 07 đến 15 năm khi phạm tội mà có giá trị vật phạm pháp hoặc số tiền thu lợi bất chính từ 500.000.000 đến dưới 1.000.000.000 đồng.

- *Khung 4:* Phạt tù từ 12 đến 20 năm khi phạm tội mà có giá trị vật phạm pháp hoặc số tiền thu lợi bất chính từ 1.000.000.000 đồng trở lên hoặc lợi dụng chiến tranh, thiên tai, dịch bệnh hoặc hoàn cảnh đặc biệt khó khăn.

- *Khung 5:* Quy định hình phạt bổ sung, có thể áp dụng song song đối với người phạm tội buôn lậu gồm: phạt tiền từ 20.000.000 đến 100.000.000 đồng; cấm đảm nhiệm chức vụ; cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định từ 01 đến 05 năm hoặc tịch thu một phần hoặc toàn bộ tài sản.

- *Khung 6:* Quy định các khung hình phạt áp dụng đối với pháp nhân thương mại phạm tội buôn lậu gồm:

Một là, khung hình phạt cơ bản là phạt tiền từ 300.000.000 đến 1.000.000.000 đồng;

Hai là, phạt tiền từ 1.000.000.000 đến 3.000.000.000 đồng tương ứng với hành vi phạm tội quy định tại điểm a, b, c, d, đ, h và i thuộc khoản 2 Điều này;

Ba là, phạt tiền từ 3.000.000.000 đến 7.000.000.000 đồng tương ứng với hành vi phạm tội quy định tại khoản 3 Điều này.

Năm là, phạt tiền từ 7.000.000.000 đến 15.000.000.000 đồng hoặc đình chỉ hoạt động có thời hạn từ 06 tháng đến 03 năm tương ứng với hành vi phạm tội quy định tại khoản 4 Điều này.

Sáu là, đình chỉ hoạt động vĩnh viễn tương ứng với hành vi phạm tội quy định tại Điều 79 BLHS năm 2015.

2. Một số bất cập và kiến nghị hoàn thiện quy định của Luật Hình sự Việt Nam về tội buôn lậu

2.1. Một số bất cập từ quy định của tội buôn lậu

- Còn chồng lấn với tình tiết định khung của các tội buôn bán hàng giả:

Khi nghiên cứu so sánh giữa cấu thành tội phạm

của tội buôn lậu với tình tiết định khung tăng nặng “buôn bán qua biên giới” của các tội buôn bán hàng giả quy định tại điểm 1 khoản 2 Điều 192; điểm e khoản 2 của các Điều 193, Điều 194 và Điều 195. Tác giả nhận thấy, quy định của tội buôn lậu là hành vi buôn bán trái pháp luật hàng hóa qua biên giới nhưng không đề cập đến loại hàng hóa đó có bao gồm hàng hóa giả, hàng hóa kém chất lượng hay không. Do đó, trên thực tế, nếu một chủ thể tội phạm thực hiện hành vi buôn bán trái pháp luật hàng giả qua biên giới thì định tội danh buôn lậu hay buôn bán hàng giả với tình tiết định khung hình phạt tăng nặng là “buôn bán qua biên giới” vẫn là một khoảng trống pháp lý cần được hoàn thiện, làm cơ sở cho cơ quan bảo vệ pháp luật áp dụng chính xác để truy cứu trách nhiệm hình sự đúng người, đúng tội, bảo đảm tính công bằng, bình đẳng của các chủ thể tội phạm.

- Quy định về thời điểm tội phạm hoàn thành chưa phù hợp:

Tội buôn lậu là tội phạm có cấu thành hình thức nên thời điểm tội phạm hoàn thành được tính từ lúc chủ thể phạm tội thực hiện hành vi buôn lậu. Như vậy, với bản chất pháp lý đó, quy định tại khoản 1 Điều 188 BLHS năm 2015 phải được hiểu là, chỉ cần người, PNTM phạm tội thực hành vi tập kết hàng hóa gần cửa khẩu, khu vực phi thuế quan, khai báo gian dối, giả mạo giấy tờ hoặc các hành vi tương tự để buôn bán trái phép qua biên giới nhằm mục đích thu lợi nhuận mà cơ quan chức năng thu thập chứng cứ, chứng minh được thì được tính thời điểm tội phạm hoàn thành. Tuy nhiên, khoản 1 Điều 188 BLHS năm 2015 quy định tội phạm hoàn thành từ thời điểm người phạm tội thực hiện hành vi buôn lậu hàng hóa, tiền tệ, kim khí quý, đá quý, di vật, cổ vật qua biên giới hoặc từ khu phi thuế quan vào nội địa hoặc ngược lại vừa không đúng với bản chất pháp lý, vừa không phù hợp với thực tiễn áp dụng pháp luật và tình hình tội phạm buôn lậu trong thời gian qua. Cụ thể: Trường hợp hàng hóa đã được dịch chuyển qua khỏi biên giới Việt Nam thì hoạt động thu thập chứng cứ, phong tỏa, kê biên, tạm giữ người, vật, phương tiện... sẽ rất khó khăn, khi mà cả chủ thể lẫn đối tượng tác động của tội phạm đã dịch chuyển ra ngoài lãnh thổ Việt Nam. Mặt khác, theo số liệu thống kê Ban Chỉ đạo 389 Quốc gia, kết quả thực hiện trong công tác chống

buôn lậu, gian lận thương mại và hàng giả trong 6 tháng đầu năm 2023, lực lượng chức năng các Bộ, ngành, địa phương cả nước đã kiểm tra, xử lý 66.049 vụ việc vi phạm (tăng 22,10% so với cùng kỳ năm 2022). Trong đó, kiểm tra, xử lý 2.219 vụ mua bán, vận chuyển hàng cấm, hàng lậu; 61.057 vụ gian lận thương mại, gian lận về thuế (bao gồm kinh doanh, tàng trữ trái phép hàng cấm, hàng nhập lậu; tăng 20,61% so với cùng kỳ); 2.773 vụ hàng giả, vi phạm sử hữu trí tuệ (tăng 174,01% so với cùng kỳ); thu nộp ngân sách nhà nước hơn 6.560 tỷ đồng (tăng 76,23% so với cùng kỳ); khởi tố hình sự 1.166 vụ, 1.610 đối tượng. Như vậy, trên một ý nghĩa nào đó, nếu quy định thời điểm tội phạm hoàn thành sớm hơn sẽ góp phần đấu tranh, ngăn chặn tội phạm buôn lậu ngay từ khi còn trong “trứng nước”.

- Quy định về hình phạt chưa phù hợp với chính sách hình sự và thực tiễn:

Nghị quyết số 49-NQ/TW ngày 02 tháng 6 năm 2005 của Bộ Chính trị về Chiến lược cải cách tư pháp nêu rõ nhiệm vụ cải cách tư pháp: “... giảm hình phạt tù, mở rộng áp dụng hình phạt tiền, hình phạt cải tạo không giam giữ...”; Nghị quyết số 27-NQ/TW ngày 09 tháng 11 năm 2022 của Ban Chấp hành Trung ương về xây dựng và hoàn thiện Nhà nước pháp quyền XHCN Việt Nam trong giai đoạn mới đã chú trọng đề cập và nhấn mạnh việc “tôn trọng, bảo đảm, bảo vệ quyền con người...”. Tác giả thấy rằng, các khung hình phạt nói chung và đặc biệt là mức hình phạt tù cao nhất lên đến 20 năm quy định tại khoản 4 Điều 188 BLHS 2015 là quá cao và tước bỏ quyền tự do của người phạm tội trong thời gian dài. Thậm chí, với hình phạt này, có những trường hợp người phạm tội buôn lậu phải chấp hành hình phạt tù trong suốt phần đời còn lại mà không có cơ hội khắc phục hậu quả cho Nhà nước từ hành vi của mình; chưa kể đến những thiệt hại không thể phục hồi được về tâm lý, uy tín, danh dự và nhân phẩm của các thành viên trong gia đình người phạm tội. Mặt khác, quy định hình phạt tiền với khung hình phạt tiền cụ thể cũng không hợp lý trong bối cảnh toàn cầu hóa, khi kinh tế phát triển nhanh, lạm phát tăng, đồng tiền mất giá, thì mức xử phạt tiền cụ thể liệu còn đủ sức răn đe hay không?

Đối với PNTM, tại điểm đ, khoản 6 Điều 188 quy định hình phạt “đình chỉ hoạt động vĩnh viễn”,

theo tác giả, quy định này cũng không phù hợp với thực tiễn. Bởi lẽ, về bản chất, đây chẳng khác nào là “*hình phạt tử hình*” đối với loại chủ thể này. Khi PNTM bị “*khai tử*” sẽ ảnh hưởng đến hàng trăm, thậm chí hàng ngàn lao động thì gánh nặng an sinh xã hội là không nhỏ mà Nhà nước là chủ thể chính phải hứng chịu trách nhiệm này. Như vậy, đây là hình phạt “*gậy ông đập lưng ông*”. Chưa kể đến trường hợp, khi biết hành vi của mình phạm tội buôn lậu với khung hình phạt “*đình chỉ hoạt động vĩnh viễn*” nhưng chưa bị phát hiện, một số PNTM lập tức tuyên bố giải thể để đăng ký thành lập PNTM mới sẽ tạo ra khó khăn không nhỏ trong hoạt động quản lý và kể cả hoạt động tố tụng.

2.2. Một số kiến nghị hoàn thiện quy định về tội buôn lậu

Một là, về đối tượng tác động, ban hành văn bản hướng dẫn về “*hàng hóa*” trong tội buôn lậu không bao gồm hàng giả và bổ sung quy định các loại tiền kỹ thuật số, tiền ảo thuộc đối tượng tác động của Tội buôn lậu.

Hai là, sửa quy định về tội phạm hoàn thành khi buôn bán trái phép hàng hóa, tiền tệ, kim khí quý, đá quý, di vật, cổ vật qua biên giới thành: “*thực hiện các hành vi tập kết hàng hóa, khai báo gian dối hoặc các hành vi khác nhằm mục đích buôn bán trái pháp luật qua biên giới để thu lợi bất chính*”.

Ba là, ban hành văn bản hướng dẫn quy định hợp nhất về khái niệm “*biên giới quốc gia*” trong tội buôn lậu từ các quy định về “*biên giới*” của pháp luật chuyên ngành, như: Luật Biên giới lãnh thổ quốc gia năm 2003, Nghị định số 93/2022/NĐ-CP ngày 07 tháng 11 năm 2022 của Chính phủ về Quản lý, bảo đảm an ninh, trật tự tại cửa khẩu đường hàng không. Cụ thể: “*Biên giới quốc gia là đường và mặt thẳng đứng theo đường đó để xác*

định giới hạn lãnh thổ đất liền, các đảo, các quần đảo trong đó có quần đảo Hoàng Sa và quần đảo Trường Sa, vùng biển, lòng đất, vùng trời; biên giới cảng hàng không, cảng tàu, thuyền hàng hải và các loại biên giới khác của nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam”.

Bốn là, giảm hình phạt tù, tăng hình phạt tiền nhưng không quy định khung hình phạt tiền cụ thể mà sửa đổi thành khung phạt tiền tương ứng số lần của mức lương cơ bản. Cụ thể: Sửa khung hình phạt tù tại Điều 188 BLHS năm 2015 như sau: Khoản 1: “*từ 06 tháng đến 02 năm*”; khoản 2 “*từ 02 năm đến 05 năm*”; khoản 3 “*từ 05 năm đến 10 năm*” và khoản 4 “*từ 10 năm đến 15 năm*”. Đối với hình phạt tiền, sửa khung hình phạt tiền tại: Khoản 1: “*phạt tiền từ 50 lần đến 200 lần so với mức lương cơ sở tại thời điểm phạm tội*”; khoản 2 “*phạt tiền từ 200 lần đến 1000 lần so với mức lương cơ sở tại thời điểm phạm tội*”; khoản 3 “*phạt tiền từ 1000 lần đến 4000 lần so với mức lương cơ sở tại thời điểm phạm tội*”.

Năm là, đối với hình phạt của PNTM, sửa khung hình phạt tiền tại: Điểm a khoản 6: “*phạt tiền từ 200 lần đến 1000 lần so với mức lương cơ sở tại thời điểm phạm tội*”; điểm b khoản 6 “*phạt tiền từ 1000 lần đến 3000 lần so với mức lương cơ sở tại thời điểm phạm tội*”; điểm c khoản 6 “*phạt tiền từ 3000 lần đến 7000 lần so với mức lương cơ sở tại thời điểm phạm tội*”; điểm d khoản 6 “*phạt tiền từ 7000 lần đến 15000 lần so với mức lương cơ sở tại thời điểm phạm tội*”. Bỏ hình phạt “*đình chỉ hoạt động vĩnh viễn*” đối với PNTM phạm tội tại điểm d khoản 6 và thay bằng “*phạt tiền từ 7000 lần đến 15000 lần so với mức lương cơ sở tại thời điểm phạm tội và đình chỉ hoạt động có thời hạn từ 02 năm đến 05 năm đối với PNTM phạm tội thuộc trường hợp quy định tại Điều 79 Bộ luật này*” ■

TÀI LIỆU THAM KHẢO:

1. Bộ Chính trị (2005), Nghị quyết số 49-NQ/TW ngày 02 tháng 06 năm 2005 của Bộ Chính trị về Chiến lược cải cách tư pháp đến năm 2020, Hà Nội.
2. Ban Chấp hành Trung ương Đảng Cộng sản Việt Nam (2022), Nghị quyết số 27-NQ/TW ngày 09 tháng 11 năm 2022 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng Cộng sản Việt Nam về tiếp tục xây dựng và hoàn thiện Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam trong giai đoạn mới, Hà Nội.

3. Quốc hội (2015), Bộ luật Hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017, Hà Nội.
4. Quốc hội (2015), Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015, Hà Nội.
5. Quốc hội (2003), Luật Biên giới quốc gia năm 2003, Hà Nội.
6. Quốc hội (2013), Luật Di sản văn hóa năm 2013, Hà Nội.
7. Quốc hội (2015), Luật Thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu năm 2016, Hà Nội.
8. Ngân hàng Nhà nước (2014), Thông tư số 17/2014/TT-NHNN ngày 01 tháng 8 năm 2014, quy định về phân loại, đóng gói, giao nhận kim khí quý, đá quý, Hà Nội.

Ngày nhận bài: 26/7/2023

Ngày phản biện đánh giá và sửa chữa: 6/8/2023

Ngày chấp nhận đăng bài: 27/8/2023

Thông tin tác giả:

LÊ ANH TUẤN

Lớp Cao học luật Hình sự - K36, Trường Đại học Luật TP. Hồ Chí Minh

STRENGTHENING THE PENAL CODE'S PROVISIONS ON SMUGGLING CRIME

● **LE ANH TUAN**

Criminal Law Master's Class - K36,
Law University of Ho Chi Minh City

ABSTRACT:

Smuggling is the act of illegally trading foreign currencies, precious metals, relics, and antiques across borders or from non-tariff zones into the inland or vice versa. The practice shows that one of the reasons leading to the ineffective fight against smuggling crimes is that the Penal Code's provisions on smuggling crime still have many inadequacies. This paper analyzes the provisions on smuggling crime of Vietnam's Penal Code (amended and supplemented in 2017), points out shortcomings, and makes some recommendations to strengthen these provisions.

Keywords: smuggling, smuggling crime, completing regulations, the 2015 Penal Code's provisions on smuggling crime.